

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG

TỔNG HỢP DANH SÁCH HỌC SINH KHUYẾT TẬT THUỘC HỘ NGHÈO VÀ CẬN NGHÈO ĐƯỢC HỖ TRỢ
CHÍNH SÁCH THEO THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 42/2013/TTLC-BGDDT-LĐTBXH-BTC HỌC KÌ II NĂM HỌC 2024-2025

(kèm theo Quyết định số / QĐ- UBND ngày / 03 /2025 của UBND huyện Bảo Thắng)

ĐVT: đồng

Số TT	Tên đơn vị	Số tháng	Học kỳ II năm học 2024-2025				Tổng cộng	Ghi chú
			Kinh phí học bổng		Kinh phí hỗ trợ mua phương tiện và đồ dùng học tập			
			Đối tượng	Kinh phí	Đối tượng	Kinh phí		
1	2		3	4	5	6	7=4+6	8
42	TỔNG TOÀN NGÀNH		104	955.656.000	104	56.666.700	1.012.322.700	
6	KHỐI MẦM NON	29	6	53.352.000	6	3.163.500	56.515.500	-
1	Trường MN Ánh Sao xã Bản Phiệt	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
2	Trường MN Bình Minh TT Phố Lu	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
3	Trường MN Sơn Ca TT Tăng Loỏng	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
4	Trường MN Hoa Hồng Phong Niên	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
5	Trường MN Hoa Phượng Đỏ xã Phú Nhuận	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
6	MN Bông Sen Sơn Hải	3,5	1	6.552.000	1	388.500	6.940.500	
21	KHỐI TIỂU HỌC	105	56	509.184.000	56	30.193.200	539.377.200	
1	Tiểu học xã Bản Phiệt	5	3	28.080.000	3	1.665.000	29.745.000	
2	Tiểu học xã Bản Cầm	5	5	46.800.000	5	2.775.000	49.575.000	
3	Trường TH xã Trì Quang	5	2	18.720.000	2	1.110.000	19.830.000	
4	Trường TH TT Tăng Loỏng	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	

5	Trường TH xã Xuân Giao	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
6	Trường TH số 1 xã Sơn Hà	5	3	28.080.000	3	1.665.000	29.745.000	
7	Trường TH số 2 xã Sơn Hà	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
8	Trường TH số 3 xã Xuân Quang	5	4	37.440.000	4	2.220.000	39.660.000	
9	Trường TH số 1 xã Phong Niên	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
10	Trường TH số 2 xã Phong Niên	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
11	Trường PTDTBT TH xã Thái Niên	5	4	37.440.000	4	2.220.000	39.660.000	
12	Trường TH số 1 xã Gia Phú	5	2	18.720.000	2	1.110.000	19.830.000	
13	Trường TH số 2 xã Gia Phú	5	4	37.440.000	4	2.220.000	39.660.000	
14	Trường TH số 2 TT Phố Lu	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
15	Trường TH số 3 TT Phố Lu	5	2	18.720.000	2	1.110.000	19.830.000	
16	Trường PTDTBT TH xã Gia Phú	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
17	Trường PTDTBT TH số 1 TT Phong Hải	5	9	69.264.000	9	4.108.200	73.372.200	
18	Trường PTDTBT TH số 2 TT Phong Hải	5	2	18.720.000	2	1.110.000	19.830.000	
19	Trường TH số 3 xã Thái Niên	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
20	Trường TH số 3 xã Phú Nhuận	5	3	28.080.000	3	1.665.000	29.745.000	
21	Trường TH số 2 xã Phú Nhuận	5	5	46.800.000	5	2.775.000	49.575.000	
15	KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ	75	42	393.120.000	42	23.310.000	416.430.000	
1	Trường THCS Sơn Hà	5	5	46.800.000	5	2.775.000	49.575.000	
2	Trường THCS số 2 Xuân Quang	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
3	Trường THCS TT Tăng Loỏng	5	2	18.720.000	2	1.110.000	19.830.000	
4	Trường TH&THCS xã Thái Niên	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
5	Trường THCS xã Bản Cầm	5	5	46.800.000	5	2.775.000	49.575.000	
6	Trường THCS số 1 xã Gia Phú	5	3	28.080.000	3	1.665.000	29.745.000	

7	Trường PTDT BT THCS xã Thái Niên	5	3	28.080.000	3	1.665.000	29.745.000	
8	Trường THCS TTNT Phong Hải	5	5	46.800.000	5	2.775.000	49.575.000	
9	Trường THCS xã Phong Niên	5	2	18.720.000	2	1.110.000	19.830.000	
10	Trường THCS số 1 xã Phú Nhuận	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
11	Trường THCS xã Trì Quang	5	6	56.160.000	6	3.330.000	59.490.000	
12	Trường THCS xã Bản Phiệt	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	
13	Trường THCS số 3 xã Thái Niên	5	3	28.080.000	3	1.665.000	29.745.000	
14	Trường THCS số 2 xã Phú Nhuận	5	3	28.080.000	3	1.665.000	29.745.000	
15	Trung tâm GDNN - GDTX	5	1	9.360.000	1	555.000	9.915.000	

